

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2020
V/v: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Khánh Nam
2. Bà Lê Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020, về việc “*Xin ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy M, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ 6, ấp B, xã T, thành phố K, tỉnh Đ.

* Bị đơn: Anh Hoàng Kim Ngọc Tr, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ 2, ấp B, xã T, thành phố K, tỉnh Đ.

* Người làm chứng: Ông Hoàng Kim Thuận Th, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 2, ấp B, xã T, thành phố K, tỉnh Đ.

(Chị M có đơn xét xử vắng mặt, anh Tr, ông Th vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thùy M trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy M và anh Hoàng Kim Ngọc Tr quen biết, tìm hiểu và sống với nhau như vợ chồng vào năm 2016 nhưng do không am hiểu pháp luật nên đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K (nay là

thành phố K), tỉnh Đ vào ngày 18/5/2017. Việc kết hôn là tự nguyện và được hai bên gia đình cho phép, có tổ chức đám cưới theo truyền thống.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại tổ 2, ấp B, xã T, thành phố K, tỉnh Đ nhưng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Tr thường ăn nhậu, cờ bạc, cá độ đá banh, nhiều lần xảy ra mâu thuẫn anh Tr còn đánh chị M trong lúc chị đang mang thai, không quan tâm đến vợ và cuộc sống gia đình. Sau khi sinh con thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều hơn. Do đó, năm 2018 chị M về sống nhà mẹ ruột tại tổ 6 ấp B, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Gia đình hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Kim Ngọc Tr.

Về con chung: Chị M yêu cầu nuôi cháu Hoàng Gia Khiêm, sinh ngày 01/9/2016, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M khai vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai mượn nợ và cũng không nợ ai.

- Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); bản tự khai ngày 12 và ngày 17/02/2020.

- Các chứng cứ do Tòa án thu thập được: Biên bản xác minh của Công an xã T ngày 25/02/2020 và các biên bản lấy lời khai của đương sự, người làm chứng ông Hoàng Kim Thuận Th.

* *Về phía bị đơn:* anh Hoàng Kim Ngọc Tr vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, cũng như không có lời khai trong hồ sơ vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

* *Lời trình bày của ông Hoàng Kim Thuận Th người làm chứng tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2020:* Ông là cha ruột của anh Hoàng Kim Ngọc Tr còn chị Nguyễn Thị Thùy M là con dâu. Ông sống chung nhà cùng với anh Tr, ông thừa nhận toàn bộ văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt do ông nhận thay và đã giao lại tận tay ngay cho anh Tr, nhưng do anh Tr bận công việc không đến Tòa án làm việc. Chị M và anh Tr không còn chung sống với nhau đã hai năm nay, ông có khuyên nhủ hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay ông không có ý kiến gì và yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn của chị M, anh Tr theo quy định pháp (BL 23, 44).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh Đ phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật về các quyền và nghĩa vụ của mình, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ kiện.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy M.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia Kh, sinh ngày 01/9/2016 cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy M có yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Hoàng Kim Ngọc Tr (BL 01) nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về việc ly hôn; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn anh Hoàng Kim Ngọc Tr có nơi cư trú tại tổ 2, ấp B, xã T, thành phố K, tỉnh Đ (BL 20) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hoàng Kim Ngọc Tr vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy M và anh Hoàng Kim Ngọc Tr tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố K, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/5/2017 (BL 02) được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống chị M và anh Tr phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh Tr không quan tâm đến vợ và cuộc sống gia đình, thường uống rượu say xỉn, chơi bài, cá độ đá banh thậm chí còn đánh đập chị M nhiều lần, chị M chịu đựng không nổi nên đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị M và anh Tr mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Về phía bị đơn anh Hoàng Kim Ngọc Tr không đến Tòa án trình bày ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và phiên tòa xét xử, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thể hiện anh Tr không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với chị M. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun

đáp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2018 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng từ hơn 02 năm nay. Do đó, chị M yêu cầu ly hôn với anh Tr là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] *Về con chung*: Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Thùy M là có cơ sở, bởi cháu Hoàng Gia Kh, sinh ngày 01/9/2016 mới hơn 3 tuổi, còn quá nhỏ và từ khi sống ly thân đến nay do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Hơn nữa anh Tr cố tình vắng mặt không lên Tòa án trình bày nguyện vọng của mình về con chung. Nên cần tiếp tục giao cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh. Tạm thời anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị M khai không có và anh Tr vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[4] *Về án phí*: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] *Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát*: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị*: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy M.

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thùy M được ly hôn anh Hoàng Kim Ngọc Tr.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia Kh, sinh ngày 01/9/2016 cho chị Nguyễn Thị Thùy M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời anh Hoàng Kim Ngọc Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn anh Tr được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị M, anh Tr được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0005811 ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Đ. Chị M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND T.ĐN;
- VKSND TPLK;
- CC THADS TPLK;
- UBND xã Bàu Trâm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai

